TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 08/2018/DSST
Ngày 29 - 3 -2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Nhàn

Bà Trần Thị Minh Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

Ngày *29* tháng *3* năm *2018* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *40/2017* /TLST-*DS* ngày *24* tháng *10* năm *2017* về tranh chấp *hợp đồng mua bán tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *07/2018*/QĐXXST-DS ngày *23* tháng *02* năm *2018 và* Quyết định hoãn phiên tòa số *07/2018*/QĐST-DS ngày *15* tháng *3* năm *2018* giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C – sinh năm 1963

Tên gọi khác: không.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã TS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn Q

Hộ khẩu thường trú: Xóm 30, xã HS, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T

Hộ khẩu thường trú: Xóm 30, xã HS, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị Th – sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã TS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Th trình bày:

Vào ngày 27/4/2013, ông Hoàng Văn Q mua vật liệu xây dựng tại Cửa hàng vật liệu CTh của vợ chồng ông C - bà Th gồm: 91 cây thép Thái Nguyên (loại phi 10+12+14+16+18), 130kg thép Thái Nguyên loại phi 6; 5 tấn xi măng Duyên Hà, 7 kg thép ly và 5 kg đinh (sau đó trả lại 7 cây thép phi 14). Tổng cộng số tiền mua hàng là 21.354.000 đồng. Ông C giao hàng ngay tại chân công trình ở xóm 30 xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nhưng ông Q chưa trả tiền ngay mặc dù nguyên tắc của cửa hàng là không bán chịu. Sau nhiều lần đòi nợ thì vào ngày 10/6/2013, ông Q trả lần thứ nhất được 15.000.000 đồng, lần thứ hai bà T trả 2.000.000 đồng vào ngày 06/5/2015 âm lịch (tức ngày 21/6/2015 dương lịch). Tổng số tiền mà ông Q và bà T vẫn còn nợ kể từ ngày 21/6/2015 âm lịch là 4.354.000 đồng. Ông C, bà Th đã tiếp tục yêu cầu ông Q, bà T trả nợ nhưng ông Q bà T không chịu trả. Ông C, bà Th yêu cầu Tòa án buộc ông Q, bà T phải trả số nợ gốc tiền hàng là 4.354.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi 9%/năm kể từ ngày mua hàng là ngày 27/4/2013 cho đến ngày xét xử để bù đắp phần nào thiệt hại cho số vốn kinh doanh mà ông bà đã bỏ ra khi cung cấp vật liệu cho ông Q, bà T.

Do bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ chối nhận các văn bản tố tụng, không gửi ý kiến phản hồi Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, không tham gia vào các buổi làm việc cũng như phiên tòa do Tòa án ấn định nên Tòa án không thu thập được ý kiến của ông Q và bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản xác lập năm 2013 đối với bị đơn Hoàng Văn Q, cư trú tại xóm 30 xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Giao dịch phát sinh vào năm 2013 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 (có hiệu lực vào thời điểm phát sinh giao dịch) để làm căn cứ pháp lý khi giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghhĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử

vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét các tài liệu do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào bản gốc Giấy ghi nhận nợ trích từ Sổ theo dõi nợ vật liệu xây dựng của nguyên đơn giao nộp, Hội đồng xét xử xác định: vào ngày 27/4/2013, ông Hoàng Văn Q ở xóm 3 xã HS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã mua số hàng hóa tại Cửa hàng vật liệu CTh của nguyên đơn với tổng số tiền 21.354.000 đồng, gồm:

- 20 cây thép Thái Nguyên phi 10, giá 1.400.000 đồng.

- 14 cây thép Thái Nguyên phi 12, giá 1.708.000 đồng.

- 07 cây thép Thái Nguyên phi 16, giá 1.659.000 đồng.

- 47 cây thép Thái Nguyên phi 14, giá 8.695.000 đồng (đã trả lại 7 cây giá 1.295.000 đồng).

- 03 cây thép Thái Nguyên phi 18, giá 996.000 đồng.

- 130 kg thép Thái Nguyên phi 6, giá 2.015.000 đồng.

- 05 tấn xi măng Duyên Hà giá 5.900.000 đồng.

- 07 kg thép ly giá 161.000 đồng.

- 05 kg đinh 5 giá 115.000 đồng.

Theo nguyên đơn, đơn giá hàng được tính khi hàng về tận chân công trình tại xóm 30 xã HS. Trong ngày 27/4/2013, nguyên đơn đã chở hàng đến nơi nhưng bị đơn trả lại 07 cây thép phi 14 nên giá thành cũng được trừ vào tổng tiền hàng tương ứng.

Nguyên đơn xác định, tài sản đã bán không thỏa thuận về việc bảo hành và vật liệu đã sử dụng hết mà phía bị đơn không có khiếu nại gì về chất lượng vật liệu nên Hội đồng xét xử xác định số vật liệu nguyên đơn bán cho bị đơn đảm bảo chất lượng.

Ông C bà Th khẳng định không bán nợ mà thu tiền ngay khi bàn giao hàng nhưng mãi đến ngày 10/6/2013 ông Q mới trả cho nguyên đơn số tiền hàng 15.000.000 đồng trong khi đó, tất cả vật liệu thì đã sử dụng hết. Sau nhiều lần đòi nợ, tiếp đến ngày 21/6/2015 (tức ngày 06/5/2015 âm lịch), vợ ông Q là bà T trả thêm 2.000.000 đồng nữa. Số tiền nguyên giá gốc tính từ ngày 22/6/2015 chưa trả là 4.534.000 đồng. Lời khai này phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc trả một phần tiền hàng của ông Q – bà T đã chứng minh sự việc bên bán (ông C, bà Th) đã giao hàng cho bên mua; bên mua cũng đã nhận hàng nên có nghĩa vụ phải trả tiền cho bên bán theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự.

Các đương sự không cung cấp văn bản liên quan đến thỏa thuận mua trả chậm hoặc trả dần theo quy định tại điều 461 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 432 và khoản 1 điều 438 Bộ luật dân sự để xác định ngày mà bên mua phải trả tiền là giao hàng (ngày 27/4/2013). Ông Q – bà T chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền tại thời điểm giao hàng nên theo quy định tại khoản 2 điều 438 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự, kể từ ngày 27/4/2013 ông Q – bà T phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Nguyên đơn chấp nhận tính lãi theo mức 9%/năm là phù hợp với quy định về mức lãi suất cơ bản của Nhà nước tại thời điểm phát sinh giao dịch và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng mức lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng để xem xét tiền lãi.

Do số tiền gốc được trả dần vào thời gian khác nhau nên Hội đồng xét xử căn cứ vào số tiền gốc chậm trả tương ứng với khoảng thời gian chậm trả để tính toán mức tiền lãi mà bị đơn phải thực hiện, cụ thể như sau:

- Từ ngày 27/4/2013 đến ngày 10/6/2013, tiền gốc 21.354.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, tương đương: 45 ngày * 0,75%/tháng * 21.354.000 đồng = 240.232,5 đồng.

- Từ ngày 11/6/2013 đến ngày 21/6/2015, tiền gốc 6.354.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, tương đương: 740 ngày * 0,75%/tháng * 6.354.000 đồng = 1.175.490 đồng.

- Từ ngày 22/6/2015 đến ngày 29/3/2018, tiền gốc 4.354.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, tương đương: 1011 ngày * 0,75%/tháng * 4.354.000 đồng = 1.100.473,5 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi là: 240.232,5 + 1.175.490 + 1.100.473,5 = 2.516.196 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T phải trả cho ông C, bà Th tiền nợ gốc 4.354.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 29/3/2018 là 2.516.196 đồng (tổng cộng 6.870.196 đồng).

[2]. Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Q, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các 122; Điều 290; Điều 428; khoản 3 Điều 432; khoản 2 điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Phạm Văn C và bà Đặng Thị Th số tiền mua hàng gốc 4.354.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/3/2018 là 2.516.196 đồng theo giao dịch mua bán tài sản thiết lập ngày 27/4/2013 (tổng cộng cả gốc và lãi là 6.870.196 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Trả lại cho ông Phạm Văn C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007405 ngày 24/10/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Ông Q và bà T phải chịu 344.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể